

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 266/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2022

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị R (R); Sinh năm: 1979; Cư trú tại: Ấp X, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc G; Sinh năm: 1978; Cư trú tại: Ấp A, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lâm Thị R trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Bà và ông Trần Quốc G tự nguyện chung sống vào năm 1999, nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời G chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông G không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng đã sống ly thân với nhau cách nay khoảng 05 năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

- Con chung: Bà và ông G có 01 người con chung tên Trần Nhã L, sinh năm 2000, hiện nay đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quốc G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông G đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông G vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn ông Trần Quốc G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông G vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông G.

[2] Hôn nhân: Bà Lâm Thị R khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc G. Hội đồng xét xử xét thấy, bà R và ông G chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà R cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông G không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa, bà R kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông G không có ý kiến nên không xem xét. Xét thấy, bà R và ông G xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà R về việc ly hôn với ông G có căn cứ.

[3] Con chung: Bà R và ông G có 01 người con chung tên Trần Nhã L, sinh năm 2000, hiện nay đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, bà R không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Ông G không có ý kiến nên không xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Tài sản chung: Bà R xác định không có. Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Bà R xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị R (R) về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc G.

Con chung: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Lâm Thị R phải nộp 300.000 đồng. Ngày 12/8/2022, bà R đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001903, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Bình, TP Cà Mau, tỉnh Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân